



Bích Câu Kỳ Ngộ

Nguyễn Thị Mắt Nâu

*Bích Câu là rạch nước trong xanh
Kỳ ngộ là gặp gỡ mong manh lạ đời
Văn thơ truyền kể xa vời
"Bích Câu Kỳ Ngộ" một thời xôn xao
Hoang đường câu chuyện hôm nao
Thăng hoa tình tự đi vào hồn thơ.*

Vậy, Bích Câu Kỳ Ngộ nghĩa là gì? Và tác phẩm này nổi danh ra sao mà một thời trong văn học gọi là lãng mạn? Và còn được đưa vào chương trình trung học?

Trước hết, nghĩa chữ Hán của Bích Câu Kỳ Ngộ là "Cuộc gặp gỡ lạ lùng ở Bích Câu". Sau nữa, Bích Câu Kỳ Ngộ là tập tiểu thuyết bằng thơ, nguyên tác chữ Hán, xuất hiện trong Truyền Kỳ Tân Phả của nữ sĩ Đoàn thị Điểm. Nhưng cũng có người bảo tập này của Đặng Trần Côn. Nhưng dựa trên nhiều tài liệu, thì vẫn khẳng định là của Đoàn thị Điểm. Và sở dĩ nó được đưa vào chương trình trung học vì bối cảnh của câu chuyện lãng mạn này hoàn toàn Việt Nam, không theo điển tích Trung Hoa như hầu hết các chuyện Tàu lãng mạn xưa Đoàn thị Điểm, Đặng Trần Côn

*Khen ai khéo vẽ thuyền buồm lênh đênh
Truyền kỳ Tân Phả bồng bênh
Trần Côn, Thị Điểm chênh vênh mạn đằm*

Trước đây, nhiều người, trong đó có Dương Quảng Hàm, Thanh Lãng, cho rằng thơ Bích Câu Kỳ Ngộ là của một tác giả khuyết danh.

*Ngày xưa thơ chẳng đề tên
Đời sau muốn nhớ muốn quên cũng phiền
Làm thơ từ lúc sinh tiền
Đến khi quá vãng bản quyền khuyết danh*

Theo các nhà nghiên cứu văn học, trong đó có Trần Văn Giáp, Nguyễn Phương Chi, Hoàng Hữu Yên, Phạm Ngọc Lan, thì người sáng tác ra truyện thơ này là Vũ Quốc Trân, người làng Đan Loan, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, sinh sống ở phường Đại Lợi thuộc một phần của phố Hàng Đào Hà Nội, vào giữa thế kỷ 19. Vũ Quốc Trân là người cùng thời với Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát. Vì thi đỗ mấy khoa tú tài nên người đời gọi là ông Mền Đại Lợi. Người ta tự hỏi tại sao người thi đỗ mấy lần tú tài lại gọi là ông mền Đại Lợi? Nhưng rồi cũng chỉ biết ông này sống ở phường Đại Lợi thuộc phố hàng Đào Hà Nội, rồi người đời gọi như vậy ...thì ...cứ là như vậy.

Tác phẩm Bích Câu Kỳ Ngộ là một tập truyện thơ dài 678 câu lục bát, kể sự tích về người học trò tên Trần Tú Uyên, gặp nàng Giáng Kiều đất Bích Câu.

*Dương trần mà trời cũng se duyên
Mênh mang duyên nghiệp như thuyền không dây
Tình duyên trong cõi đời này
Biết ai hay dở đắng cay thế nào
Vui thì mộng mị trăng sao
Buồn vương khóe mắt đi vào hồn thơ .*

Chữ Bích Câu nguyên nghĩa là ngòi biếc, (câu là cái ngòi, cái kênh, cái rạch, cái mương biếc là xanh biếc, là nước trong xanh) ngày nay Ngòi Biếc thuộc phạm vi Hà Nội. Ngoài chữ Bích Câu mang nghĩa là ngòi biếc, còn ám chỉ ngày xưa ở vùng này có con rạch nước trong xanh chảy ra hồ Giám mà lương Sĩ Ngô Sĩ Liên xuyên qua phố Khâm Thiên. Và tương truyền chúa Trịnh Sâm đi từ phủ chúa gần ngã tư Quang Trung, Tràng Thi, bơi thuyền nương theo con rạch ngòi biếc để đến hồ Kim Âu, ghé đến thăm Nguyễn Khảm (anh ruột Nguyễn Du) ở Văn Miếu.

*Du thuyền thông thả ghé thăm nhau
Người xưa lãng đãng ủ màu tình thân
Đôi câu chuyện vãn ân cần
Trần gian lơ lửng tình trần lãng du.*

Về sau tập thơ tiểu thuyết Bích Câu Kỳ Ngộ được dịch qua chữ nôm, và bản dịch chữ nôm quá xuất sắc, thành công về mặt nghệ thuật, cho nên bản nôm được phổ biến rộng rãi hơn cả nguyên tác chữ Hán

*Dịch từ chữ Hán mà ra
Nhưng mà nguyên tác hóa ra không bằng
Chữ Nôm dịch bản công thành
Cho nên trần thế nức lòng mà theo
Nguyên tác ị ạch trèo đèo
Nhưng được người dịch tuyệt chiêu gieo vần.*

Như thế dễ thấy rằng tài chuyển dịch từ thơ Hán qua thơ nôm của Đoàn thị Điểm hoặc Đặng Trần Côn thật tuyệt vời, cả về ý tứ, lẫn gieo vần.

Bàn về điều này là một điều dư thừa, lại không đủ tư cách bàn về diễn nôm của nền văn học Việt Nam trong thời quá khứ. Nhưng theo Dương Quảng Hàm, phần nhiều các truyện nôm cũ của Việt Nam thường mượn các điển tích trong sử sách hoặc tiểu thuyết Trung Hoa. Riêng Bích Câu thì không. Nội dung hoàn toàn mang bản sắc Việt Nam, không theo điển tích bên Tàu như những truyện truyền kỳ khác

*Ngày xưa cái gì cũng Tàu
Gió đưa mây nước quắc cần câu
Ông cha mình cứ là như thế
Ảnh hưởng thi ca ảnh hưởng Tàu
Khuôn vàng thước ngọc toàn ước lệ
Riêng Bích Câu Kỳ Ngộ chẳng thế đâu.*

Bích Câu Kỳ Ngộ, câu chuyện truyền kỳ dưới triều Hồng Đức nhà Lê (thời vua Lê Thánh Tông, tại vị 1460-1497). Thơ rằng:

*"Thành tây có cảnh Bích Câu
Cỏ hoa góp lại một màu xinh tươi
Đua chen thu cúc xuân đào
Lựu phun lửa hạ, hoa chào gió đông
Xanh xanh dấy liễu ngàn thông
Cỏ đan lối mực rêu phong đầu tiều
Một vùng non nước đều hiu
Phát phơ gió trúc dập dìu mưa hoa
Triều Lê đương hội Thái Hòa
Có Trần công tử tên là Tú Uyên"*

Mười câu thơ dẫn nhập mở đầu cho tập truyện thơ Bích Câu Kỳ Ngộ. Theo giáo sư Dương Quảng Hàm, truyện chia làm 4 hồi, nội dung tóm lược như sau:

Hồi 1: Tú Uyên gặp Giáng Kiều về ốm tương tư:

Tú Uyên, một thư sinh nghèo, cha mẹ mất sớm. Có một lần, chàng đến Bích Câu, thấy phong cảnh đẹp bèn làm nhà ở đấy học. Một hôm nhân tiết xuân. Tú Uyên đi chơi hội chùa Ngọc Hồ, nhặt được một chiếc "lá hồng" có đề một câu thơ. Chàng định họa lại, thì thấy một thiếu nữ tuyệt đẹp trước cửa tam quan, chàng liền đi theo, nhưng đến đình Quảng Văn, thiếu nữ biến mất. Về nhà ngày đêm tưởng nhớ người đẹp sinh bệnh

*Chàng thơ được gặp người thơ
Lại thêm chiếc lá ngấn ngơ giữa dòng*

*Lá hồng theo giải nước trong
Người đẹp biển mắt khiến lòng tương tư
Tâm sinh bệnh tưởng phù du
Chàng thơ sinh bệnh thiên thu não lòng.*

Hồi 2: Tú Uyên kết duyên cùng Giáng Kiều:

Nghe tin Tú Uyên tương tư sinh bệnh, một người bạn đến thăm, khuyên rằng: *Thôi bỏ đi, đừng tơ tưởng nữa...* nhưng Tú Uyên không thể quên được người đẹp dù chỉ gặp một lần. Rồi chàng một mình thơ thẩn lần mò tìm đến ngôi đền Bạch Mã bói thẻ (không biết bói thẻ có phải là lắc thẻ xin xăm không). Và đêm ấy ra về chàng nằm mộng, thấy hiện ra một vị thần dặn rằng, sáng mai ra cứ chợ Cầu Đông...

Nhân nhắc đến Cầu Đông, chúng ta liên tưởng ca dao dân gian có câu thơ về lục bát vừa bốn cột, vừa nhạo báng châm biếm, bông đùa, vừa chơi chữ, vừa mang tính mai mỉa cười chê, chế riếu người phụ nữ đã đứng tuổi còn đi xem bói cầu duyên. Câu về rằng:

*"Bà già đi chợ cầu Đông
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng
Thầy bói gieo quẻ đoán rằng
Lợi thì có lợi nhưng... rằng không còn"*
Câu này nằm trong ca dao Việt Nam.

*Rõ ràng mai mỉa đàn bà
Chữ nghĩa nhạo báng thật là chua cay
Cuộc đời phụ nữ không may
Một chút vui thú là bị cay đắng liền*

Người Á Châu nói chung, người Việt Nam nói riêng, nặng quan niệm buộc chặt đời người đàn bà vào cuộc sống đa mang trách nhiệm và cúi đầu lệ thuộc. Người đời xưa quan niệm phụ nữ có mặt ở cõi đời, hầu như chỉ để sinh con, và phục tùng. Nói rõ hơn là phục vụ cho cánh đàn ông con trai, chứ không có quyền sống cho mình, không có quyền hưởng thụ hay chọn lựa, hoặc không thể chủ động quyết định đời mình. Nghĩa là mặc nhiên chấp nhận bị áp chế, và chỉ có một quyền, là quyền thụ động, vâng lời người khác. Người khác đây là chồng, gia đình chồng và con trai. Nó rõ nghĩa trong câu phán của Đức Khổng Tử:

"Xuất giá tòng phu Phu tử tòng tử Tử tử tòng tôn"

Lấy chồng theo chồng, phục tùng chồng Chồng chết, theo con trai, phục tùng con trai Con trai chết thì theo cháu trai.

Cả đời lếch thếch theo chân người khác như một cái bóng

*Thật tội nghiệp trời sinh phái nữ
Suốt cuộc đời chỉ để phục tùng thôi
Nam tử quyền lực ngấp trời
Người phụ nữ chỉ vâng lời tuân phục
Đáng nam nhi với đầy uy lực
Oai như sóng thần sáng rực trần gian*

Nữ nhi vốn là lệ thuộc, là núp bóng, là tuân thủ, là thụ động.

Nam tử là thiên tử, là có quyền quyết định cuộc đời nữ nhi liên tiếp 3 đời :Đời cha. Đời chồng. Đời con.

Nếu làm khác đi, nữ nhi bị làng xóm phỉ báng, phê phán và nguyền rủa. Bị xã hội cô lập, khinh khi đàm tiếu

Trở lại chuyện Tú Uyên, khi được thần báo mộng hẹn ra chợ cầu Đông. Hôm sau Tú Uyên ra cầu, đứng đợi đến chiều tối, thì thấy một ông lão bán một bức tranh tố nữ, hình dáng cô gái trong tranh giống hệt người thiếu nữ chàng gặp hôm trước. Chàng liền mua bức tranh về treo ở thư phòng. Đến bữa ăn, bày ra 2 bát, 2 đôi đũa, mời người trong tranh cùng ăn với mình.

*Đa tình đến thế thì thôi
Mang ra hai bát mời người trong tranh*

*Người xưa lãng mạn yến oanh
Tâm tư lãng đãng treo màn ngấn ngơ
Yêu chi cho dạ thần thờ
Gặp nhau chi để ngấn ngơ tơ vàng
Chàng ơi say đắm vội vàng
Đúng là duyên kiếp bể bàng thân thơ.*

Rồi một hôm, Tú Uyên bận việc ở trường về muộn. Về nhà thấy mâm cơm thịnh soạn bày sẵn. (Cái này cũng na ná giống trong truyện Tấm Cám khi cô Tấm bước ra từ quả thị nấu cơm cho bà lão ăn mày). Chàng lạ lùng nhưng ngồi vào ăn. Hôm sau giả vờ cũng đi đến trường, nhưng chỉ đi một quãng, thì quay trở về, nấp vào một chỗ. lát sau thấy một thiếu nữ trong tranh bước ra lo việc nhà cửa, bếp núc. Tú Uyên mừng rỡ bước ra chào hỏi. Thiếu nữ cho biết tên là Giáng Kiều, vốn là người cõi tiên. Vì có duyên với chàng nên xuống hạ giới. Nói rồi vung tay hóa phép ra một lâu đài nguy nga có đầy đủ kẻ hầu người hạ

*Đúng là mơ chuyện viễn vông
Người đâu có sẵn trong tranh tuyệt vời
Thiên đường hạ giới ai ơi
Tiên duyên định mệnh tơ trời mong manh
Tú Uyên tốt số rành rành
Thơ đề trên lá bức tranh dị kỳ.*

Hồi 3: Giáng Kiều giận Tú Uyên bỏ đi, sau lại trở về:

Hai người sống với nhau, vợ chồng hạnh phúc 3 năm thì Tú Uyên bắt đầu rượu chè say sưa, bê trễ học hành. Giáng Kiều khuyên can không được... Khi tỉnh rượu, Tú Uyên đau khổ và hối hận... Giáng Kiều rũ áo ra đi. Tú Uyên tìm kiếm không được. Một hôm tuyệt vọng, chàng định quyên sinh, thì Giáng Kiều hiện về. Nghe lời thống thiết của chồng, nàng tha lỗi. Rồi truyền cho chồng nghề thuốc, cứu nhân độ thế. Hai người lại sống những ngày mặn nồng như cũ.

*Ôi chao say xỉn bết nhè
Mấy ông nát rượu như bè cơm thiu
Xin say be bết ì sèo
Say lên xin xuống bèo nèo tám thân
Tiên sa cũng lấm bụi trần
Trần gian lỗi nhịp trời gần hay xa.*

Hồi 4: Tú Uyên và Giáng Kiều lên cõi tiên:

Sau khi vợ chồng có một con trai, đặt là Chân Nhi. Nghe Giáng Kiều, Tú Uyên học phép tu tiên... Rồi một hôm, hai vợ chồng dặn dò Chân Nhi ở lại cõi trần, họ cưới hạc bay lên cõi tiên.

*Thật là câu chuyện hoang đường
Hoang đường như chuyện tình trường vắng vợ
Nhưng sinh quan điểm bất ngờ
Thoát ly thế tục ngấn ngơ hồng trần
Hồng trần thế sự quẩn quanh
Loạn ly khốn khổ bức tranh tội tình*

Đó là chuyện Bích Câu Kỳ Ngộ phân làm 4 hồi, theo giáo sư Dương Quảng Hàm....

Rõ ràng Bích Câu Kỳ Ngộ là câu chuyện mang màu sắc hoang đường kỳ bí. Nhưng phía sau câu chuyện là một vấn đề xã hội. Tác phẩm bộc lộ quan niệm về nhân sinh, về cái mong muốn được thoát ly thế giới thực tại đầy gian nan nheo nhóc.

*Trần thế gian nan lắm muộn phiền
Đời người nheo nhóc lẫn tai ương
Nhân sinh đau khổ buồn khôn tả*

Muốn thoát ra ngoài cuộc bi thương.

Đồng thời cũng là một tư tưởng ít nhiều mang tính yếm thế, thể hiện tâm trạng chán chường của tác giả, trong hoàn cảnh đất nước có quá nhiều loạn lạc chiến tranh, đầy bất trắc. Cũng có thể coi là một xu hướng giải tỏa tâm thức con người, trong thời điểm bấy giờ, lòng người muốn rời bỏ, muốn cách ly đạo nho, để tìm đến đạo Phật, hay đạo giáo khác một cách mơ hồ, và tự nó đẩy lên một điều gần như mãnh liệt

*Câu chuyện xảy ra thời bấy giờ
Truyền thần qua sự thể truyện thơ
Giả mơ giả thực đời hư ảo
Quên chuyện trần gian sóng vượt bờ.*

Ngày nay cũng đâu khác gì mấy ... hóa ra đất nước mình chẳng bao giờ yên ổn.
Người dân nước mình qua bao thế kỷ vẫn quay cuồng chẳng được bình yên.

*Nước Việt xưa nay vẫn thế thôi
Người dân nhấp nhúm đứng ngồi chẳng yên
Tâm sinh biến loạn vô thường
Sống vô kỷ luật tại ương trùng trùng.*

Về hình thức, Bích Câu Kỳ Ngộ là chuyện thuần túy Việt Nam, với tên người, tên đất, tên địa phương đều là tên Việt. Nhờ đó âm hưởng mang tính dân tộc đậm nét. Hơn nữa tác phẩm đạt tới một bút pháp nghệ thuật tinh vi, kết hợp tình người và cảnh vật, và táo bạo hơn, là diễn tả cả quan hệ nhục cảm và tâm trạng nhân vật. Tuy nhiên ngôn ngữ trong sáng, do dụng ca dao tục ngữ và tiếp thu cái thành tựu của ngôn ngữ truyện Kiều.

*Văn chương tuyệt tác truyện Kiều
Bao dòng thi tứ chạy theo đuôi
Tinh hoa tiếp vận dòng thi hứng
Một thoáng hành thơ mộng thoáng chiều*

Đây cũng là một chuyện thần bí xảy ra trên đất Thăng Long (tức Hà Nội bây giờ). Hiện nay ở phố Cát Linh gần Văn Miếu Quốc Tử Giám Hà Nội, còn có tòa nhà **Bích Câu đạo quán**, tương truyền được dựng trên nền nhà cũ của Tú Uyên thuở xưa.

Ngoài ra sự tích trong truyện đều nhắc đến những địa danh như: Sông Tô Lịch. Chùa Bà Ngô. (phố Sinh Từ tức chùa Ngọc Hồ). Đền Bạch Mã (nay ở phố hàng Buồm). Gò Kim Qui (tháp rùa). Cầu Đông (nay ở phố hàng Đường). Đình Quảng Văn (vườn hoa cửa Nam ngày nay)... Tên các di tích ấy, theo học giả Trần Văn Giáp, đã chứng thực tình dân tộc Việt Nam của tập truyện.

*Tên những địa danh đẹp như trong truyện cổ
Chiết tự mơ hồ như cổ tích đời xưa
Hà Nội dư âm xao xuyên mấy cho vừa
Nghe để thấy dây dưa niềm thương cảm*

Còn vị trí của phường Bích Câu theo phỏng đoán, là nguyên cả một khu vực, ôm lấy nội thành phía nam, tây nam và tây bắc, vòng theo thành Thăng Long. Nếu theo bản đồ ngày nay, phường Bích Câu gồm các phố Quan Thánh, qua Hùng Vương, sang Nguyễn Thái Học, rồi Quốc Tử Giám, xuôi xuống các làng Hào Nam, Giảng Võ, rẽ ngang về phía các trục đường: Cát Linh, Kim Mã, Thủ Lệ, Đội Cấn, Hoàng Hoa Thám và một phần thuộc đất Thụy Khuê.

Còn nói về lịch sử, Bích Câu vốn có từ rất lâu, trước khi Lý Công Uẩn dời đô về Đại La, lập thành Thăng Long.

*Hình ảnh ngai vua với con rồng
Rồng bay lơ lửng vây rồng uy nghi
Rồng tiên nỏ nước còn ghi
Long bào, long y, long qui, long sàng*

*Cái gì vua cũng ngổn ngang
Cái gì vua cũng lan tràn nước mây.*

Từ thời nhà Lý, phường Bích Câu phát triển thành một trung tâm chính trị, văn hóa, kinh tế bậc nhất Thăng Long. Thời hoàng kim của Bích Câu kéo dài hàng thế kỷ, văn minh từ thời trung đại đến hết thế kỷ 19.



Bích Câu Dao Quán



Đường Bích Câu

Cái tên Bích Câu ra đời rất sớm, xuất hiện trong các câu chuyện dân gian từ xa xưa. Các sách về địa lý chính sử Tống bình, Đại La, đã nói đến Bích Câu với các sự tích văn hóa, cùng sự hình thành lịch sử của nó. Bích Câu lúc đầu chỉ là trại, sau đổi là phường. Một khu vực tập trung đa số là vua chúa, quan lại và danh sĩ... ngay từ thời Văn Lang, An Dương Vương Thục Phán.

*Cái đất ngàn năm của đế đô
Tập trung vua chúa cơ đồ dân gian
Dòng dõi vua quan xứ sở bạt ngàn
Dòng chính sử thênh thang còn ghi chép lại.*

Theo Văn Kỳ Trung Hưng, thì sinh hoạt của phường Bích Câu khá náo nhiệt, nhất là vào những năm 40 của thế kỷ 17, cho đến thế kỷ 19. Các sinh hoạt ở đây sớm hội nhập văn minh phương tây, lẫn văn minh thời nhà Minh, nhà Thanh của Trung Hoa. Mạnh nhất là thời Khang Hy, Càn Long

*Văn minh có cả Tây Tàu Phố phường rộn rã đượm màu trần gian
Dài hai thế kỷ mệnh mang Bích Câu sầm uất quan san mấy đời
Nơi đây kết tụ những người Dòng dõi quý tộc thành thời an nhàn .*

Đây cũng là nơi tập trung các vua chúa quan lại, văn nghệ sĩ, bác học và các nhà mạnh thường quân. Ngay cả gia đình của văn hào Nguyễn Du cũng ở phường Bích Câu, lúc đó gia đình ông là một gia đình đại quý tộc.

*Nguyễn Du quý tộc mấy đời
Có lúc thất thời thì cũng nghèo toè
Danh thơm nặng trĩu sau hè
Hát câu Kiều lấy chiếu khoe nắng vàng .*

Cuối cùng cái người ta nhắc đến, nhớ đến phường Bích Câu, chính là tác phẩm Bích Câu Kỳ Ngộ. Một câu chuyện hoàn toàn Việt Nam, không mang điển tích Tàu, Nó vừa hoang đường vừa thần tiên cổ tích, để làm dịu đau thương thực tại của đời thường vốn nhiều tranh chấp bi thương.

Khi nói đến truyện nôm Việt Nam, ai cũng thấy nó gần gũi với quần chúng, qua những điển tích dân gian, và được phổ biến rộng rãi trong văn học. Số lượng truyện nôm của chúng ta không nhỏ. Người ta áng chừng hơn 40 truyện viết bằng chữ thuần nôm. Ngoại trừ một số tác phẩm do nho sĩ sáng tác có ghi tên tác giả, còn phần lớn là khuyết danh, tức không đề rõ tên người sáng tác

*Người xưa khiêm tốn vô cùng
Dấu tên dấu họ lạ lùng làm sao*

*Mây trời vờ vẫn trên cao
Đời sau tìm hiểu trăng sao mỗi mòn*

Phần lớn những tác phẩm đều mang chất sống mạnh mẽ, văn hóa mang tính giáo dục đạo đức luân lý, nghĩa là trong đó gửi gắm những thông điệp răn dạy người đời.

Các giáo trình văn học dân gian đa số tập trung khai thác về đời sống các dân tộc Mường, Nùng, H' Mông .

Nói về xuất xứ và giá trị truyện nôm, phải khẳng định chữ nôm là chữ của người Việt, một số người dân tộc thiểu số, tuy có chữ viết, nhưng lẫn lộn chữ nôm là chữ viết của người phương nam. Và nhấn mạnh một điều, người Việt phát âm theo tiếng Việt, còn chữ viết của dân tộc thiểu số thì cho tới nay vẫn chưa ai rõ hình thể ra sao.

Theo nhà cụ Nguyễn Văn Tố (1880-1947), cho rằng chữ nôm có từ thế kỷ thứ 8. Trong văn học nước nhà, cụ Nguyễn Văn Tố, là người chuyển mình từ Hán sang Tây học, do hoàn cảnh nhiều nhượng của đất nước cũng như sự đổi thay của thời đại. Cụ lựa chọn ngành biên khảo và áp dụng các phương pháp sách vở chi li, trong tiến trình kiếm tìm sự thật. Phương pháp cụ dùng xem ra quá mới so với đương thời, nên cũng gây ra nhiều hiểu lầm. Hơn nữa thế kỷ sau nhìn lại, mới thấy được cái nhìn xa và tính khoa học mà cụ đã áp dụng trong quá trình xây dựng văn hóa

*Người xưa bảo thủ ngắt trời
Mấy khi chịu hiểu những lời khai thông
Đến khi nước chảy qua dòng
Thời gian đi mất lòng vòng đồ đưa
Sáng rồi lại tới ban trưa
Chiều sang lại tối, đêm vừa thâu canh*

*"Trăm năm ngó xuống đời hư ảo
Phút chốc nhìn lên ngộ lẽ trời
Yêu thương xin nở nụ cười
Vị tha là để lòng người thanh cao"*
(4 câu trích trong lời hay ý đẹp trên mạng).

Nhà biên khảo Nguyễn Văn Tố, và câu về ca dao truyền khẩu "chi chi chành chành" một trò chơi của trẻ nhỏ
*"Chi chi chành chành Cái đanh thổi lửa Con ngựa chết trương
Ba vương ngũ đế Ngáp nghe đi tìm Hú tim ù ập".*

Truyện Bích Câu Kỳ Ngộ gắn liền với lịch sử dân tộc.

Trò chơi dành cho con nít này, với hình ảnh người lớn xòe bàn tay, các em nhỏ mỗi em chĩa một ngón tay trở vào. Hát xong mấy câu thơ kia, người lớn ập bàn tay lại. Tay em nào không rút ra kịp, bị bắt dính lại thì em đó bị bắt, bị loại khỏi vòng chơi. Hoặc phải xòe tay mình ra để mở đầu một vòng chơi khác. Trò chơi được gọi là **"Chi Chi Chành Chành"**

Hát riết thành quen, lời hát chẳng nghĩa lý gì. Nhưng theo Trương Tửu, bài đồng ca trình bày cảnh nhiều nhượng của đất nước trong mấy thập niên, trước khi cụ Tố ra đời, nhưng là văn chương truyền khẩu nên lời hát cứ sai đi, tạm gọi là "tam sao thất bản". Chữ chính Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc ghi lại thế này

*"Chu tri rành rành
Cái đanh nổ lửa
Con ngựa đứt cương
Ba vương tập đế
Cấp ké đi tìm
Hú tim òa ập".*

Có nghĩa là báo cáo với mọi người biết quân Pháp có súng thần công dài bằng sắt (hình như cái đinh), nổ trước thành Đà Nẵng hay cửa Thuận An. Vua Tự Đức băng Hà, triều đình không người cầm đầu các mối đường cột (ngựa đứt dây cương)

*Câu về miêu tả ba vương
Trình bày hình ảnh tại ương triều đình
Nhân gian truyền miệng linh tinh
Thành câu cho trẻ nhi đồng hát chơi.*

Trong mấy tháng có tới 3 vương liên tiếp lập làm vua:

1. Dục Đức làm vua 3 ngày, bị giam rồi 1 tuần sau thì chết.
2. Hiệp Hòa lên ngôi tiếp nối được mấy tháng thì bị ép uống thuốc độc tự tử.
3. Kiến Phúc ở ngôi 6 tháng, phải chịu hiệp ước bảo hộ, cũng bị thuốc độc chết.

Sau đến xuất đế Hàm Nghi rút ra chiến khu, ban hịch Cần Vương, khiến quân Pháp lo cấp kế đi tìm, rút cuộc vì người phản nghịch tên là Ngọc, nửa đêm lên vào ập bắt. Và dính trấu: Hàm Nghi bị bắt 1886. Đồng Khánh Băng Hà. Thành Thái lên ngôi 1888. Cuộc bảo hộ bắt đầu có khuôn phép.

Những câu đồng dao phản ảnh tình thế lịch sử truyền đi trong dân gian và để đời sau chỉ còn là trò chơi cho con trẻ vui cười

*Đồng dao xưa nặng chữ tình
Cái tình lịch sử biến thành hát vui
Ngón tay bị nắm chặt rồi
Các em vui cười cũng hỉ hả thôi
Chành chành nghĩ đến cũng vui .*

*Truyện nôm có hai thể hình
Một loại hữu tình, một loại dân gian
Nôm na nhưng cốt cách bạt ngàn
Theo tích theo sử thành ngàn áng mây
Tích Tàu gió thoảng mây bay
Người nam ẩn tượng lòng lay lắt buồn*

Một số những tích truyện theo điển tích gọi là truyện nôm của văn viết, ít nhiều nằm trong thơ Kiều của Nguyễn Du như: **Hoa Tiên Ký điển âm, Tây Sương ký, Ngọc Kiều Lê Tân truyện Tì Bà Quốc âm tập điển âm Bình Sơn Lãnh Yến điển âm.**

Còn truyện nôm dân gian, chiếm đa số trong đại chúng của thế kỷ trước, cả thời thuộc Pháp như: **Phạm Công Cúc Hoa, Bạch Viên Tôn Các, Phan Trần, Bích Câu Kỳ Ngộ, Lâm Tuyền kỳ ngộ, Truyện Lý Công, Thạch Sanh Lý Thông, Truyện Trê Cóc, Lục Súc Tranh Công, Nữ Tú Tài** (tức nàng Phi Nga) (thơ tả cô tú tài như vậy "Họ Vân có nữ tú tài Con quan thừa tướng tuổi vừa xuân xanh Lại thêm quốc sắc khuynh thành Đã hay nghề ngựa lại lành nghề cung Chân thiếu nữ giá anh hùng Trượng phu mấy kẻ địch phùng kém xa Đặt tên là ở Phi Nga" ... Lời thơ bật ra như nói, tất cả được Bình Dân Thư quán, chuyển sang quốc ngữ, với số ấn phẩm rất lớn.

*Điều đáng tiếc là bây giờ thất thoát
Mất khá nhiều tinh túy đất Việt ơi
Truyện cổ văn xuôi, thi ca của một thời
Ca dao tục ngữ người người đã quên
Văn học thi thư đâu thể vãng bèn
Khi con trẻ mất dần tiếng Việt
Nỗi niềm ấy chính là niềm bi thiết
Người lớn tuổi mất rồi, văn hóa Việt mất theo
Gió mây thoang thoang qua đèo
Tha phương chữ Việt lá treo đầu cành*

Dân gian khi nói về **truyện Phan Trần**, các cụ xưa thường răn con cháu là:

*"Đàn ông chớ kể Phan Trần
Đàn bà chớ kể Thúy Vân Thúy Kiều".*

Còn Bích Câu Kỳ Ngộ, dù ngày nay không được đưa vào chương trình học. Nhưng vẫn là truyện nômi thuần túy Việt Nam và gắn liền với lịch sử Thăng Long. Đầu tiên là truyền thuyết vua nằm mơ thấy cảnh sen trắng. Khi tỉnh dậy mới hỏi quần thần là sen trắng mang ý nghĩa gì, thì được các cao tăng trong triều tâu lên rằng ở miền nam có loài sen trắng hương thơm nức mà hoa rất đẹp. Vua liền cho xây chùa Đắc Quang.

*Trong giấc mơ thấy cảnh sen trắng
Vua tỉnh dậy thấy nắng vàng sân
Xây chùa thơm nức hương trầm
Đấy là truyền thuyết người dân lưu truyền.*

Nơi vua Thánh Tông gặp người tiên ở chùa Ngọc Hồ, cũng là nơi Tú Uyên gặp Giáng Kiều. Vua hỏi chuyện và cùng nàng xướng họa. Vua xướng lên bài thơ

*"Ngắm sự trần gian đến gặp người Chày kinh một tiếng tan niềm tục
Hồn bướm năm canh lẫn sự đời Bể ái thuyền tình chửa chơi vui
Nào nào cực lạc là đâu tá Cực lạc là đây chín rở mười"*

Nàng thơ thấy chưa thanh thoát nên sửa lại hai câu cuối

"Gió thông đưa kệ tan niềm tục Hồn bướm mơ tiên lẫn gió trời".

.... Rồi đến cửa Đại Hưng thì biến mất. Vua cho là tiên giáng trần, cho dựng **lầu Vọng Tiên** ở đó để nhớ nàng

*Ông vua cũng thật đa tình
Làm thơ xướng họa một mình rong chơi
Hoa thơm gió thoảng hương trời
Xây lầu vọng tưởng ngàn khơi cuộc tình
Thần tiên thanh thoát lung linh
Người trong mộng ảo trữ tình thảo thơ*

Các nhà nghiên cứu văn học đánh giá Bích Câu Kỳ Ngộ nên có một vị trí quan trọng trong văn học Việt Nam. Vì:

- Thứ nhất, đó là truyện nômi Việt Nam thuần túy không mang âm hưởng Trung Hoa.
- Thứ hai thơ viết bằng thể lục bát điển âm chữ Việt. Mà theo giáo sư Duong Quảng Hàm và giáo sư Thanh Lãng, tác phẩm nên đọc để biết về một nơi chốn văn hóa Việt Nam.

Giáo sư Ngọc Khánh cho rằng chữ Bích Câu có từ lâu, nhưng chính thức thì từ năm 1788. Và học giả Bùi Huy Bích thừa nhận phường Bích Câu ở Hà Nội là một địa chỉ văn hóa, một nơi chốn văn hóa... hiện tượng Bích Câu được thể hiện qua quán Đạo thuộc thôn An Thạch, phường Bích Câu ít người biết đến. Thời Lê Trịnh, các chúa thường giong thuyền ra đâu đó câu cá, nên còn có tên là **Ngự Câu**.

*Tên nào nghe cũng mộng mơ
Thuyền câu lơ lửng hững hờ buông lơ
Giọng thuyền vua chúa thanh thoi
Thênh thang để mặc thuyền trôi theo dòng.*

Sau thế kỷ 15 (XV), sau khi vua Lê Thánh Tông ra gặp tiên nữ, đã trở thành vùng đất sinh hoạt văn học sôi nổi: chung quanh Văn Miếu có nhiều văn nhân sĩ tử dập dìu và thành lập trường Nguyệt Áng của Nguyễn Quốc Trinh.

Trường Hào Nam cũng góp mặt trong không gian đàm luận văn chương. Biến cái tên trở nên có ý nghĩa, mà các thức giả lấy tên tác phẩm thành chủ đề của đất Thăng Long. Nơi đây đã gây dựng, đào tạo nhiều tài năng,

trong đó có vợ Nguyễn Huy Tự (cháu của Nguyễn Du) và nhiều nhân tài. Rồi em của bà là Mai Đình Mộng Ký có tài làm thơ.

Và thế hệ đàn em như người họ Ngô (Ngô thì Nhậm), người họ Lê (Lê Hữu Trác), lui tới khu vực này và xưng là công tử Bích Câu trong một bài viết về phường Đồng Xuân

*Công tử nhàn du khách lãng du
Mây xanh nước biếc lu bù hàn huyền
Hoa trôi đến cạnh mạn thuyền
Sóng xô lãng bạc lặng yên gió trời*

Điểm lại trong kho tàng văn chương Việt Nam, để thấy chất văn hóa Việt hiền hòa mơ mộng, đôi khi đến xa vời thực tế. Nguyên do là thực trạng đất nước chẳng bao giờ an bình, yên ổn, không ngoại xâm thì nội chiến hoang tàn đau khổ. Mà Bích Câu Kỳ Ngộ là một truyện điển hình, nói lên quan điểm và nhân sinh quan của người dân Việt

*Sóng gió vờn quanh nước Việt Nam
Dài cong chữ S giang san đẹp ngời
Rõ ràng mảnh đất tốt tươi
Cho bao nhiêu kẻ thềm mỗi giếng câu
Chiến tranh do bởi vì đâu
Dọc theo bờ biển hoa màu thiên nhiên
Bề dâu không có người hiền
Lại thêm nhược tiểu truân chuyên nát lòng
Yếu hèn mang kiếp lòng tong
Liệt cường ham muốn mơ màng nuốt trôi
Tị hiềm tan nát tả tơi
Thiếu tình đoàn kết rẽ rời nước Nam.*

Tóm lại Bích Câu Kỳ Ngộ là áng văn thơ trước kia đã được đưa vào chương trình trung học. Những vị tuổi từ trung niên trở lên còn nhớ. Nay nhắc lại, cũng ôn lại chút dư âm lãng mạn của một thời tuy một chút hoang đường nhưng nói lên tình yêu thuần khiết của một thời còn biết óm tương tư, biết mượn tích xưa để thốt lên tiếng lòng nhưng nhớ, chứ không sống sượng thẳng thừng hiện thực xô bồ chích choác a lát xô như bây giờ

*"Cầu hoàng tay lựa nên vẫn Tương Như lòng ấy, Văn Quân lòng nào
Có khi mượn chén rượu đào Tiệc mỗi chưa cạn, ngọc dao đã đầy
Hơi men chưa nhấp đã say Như xông mùi nhớ, như gây giọng tình".*

Đó là lời trong Bích Câu Kỳ Ngộ, tả tâm trạng Tú Uyên tương tư người đẹp Giáng Kiều dù chỉ một lần gặp gỡ. Ngày nay còn có ai chịu mất thì giờ mộng mơ kiểu ấy, và ết đậm tình như thế hay không? Nhất là bên Mỹ với quan niệm "Thời giờ là tiền bạc"

*Xã hội hôm nay khác nhiều rồi
Thế thái nhân tình cũng đầy vơi
Non xanh nước biếc mờ cây cỏ
Thấp thoáng nhân sinh được mấy người.*

Đôi phút lãng đãng mộng mơ... để mà tương tư, để mà tưởng nhớ... về một ai đó còn mệnh mang chập chùng trong trí nhớ. Chứ đâu còn có được gì !!!

Nguyễn Thị Mắt Nâu